

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 09/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Vũ Thị May.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hiến- Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2021, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 25/2021/TLST-HS ngày 21/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HS ngày 28/6/2021, đối với các bị cáo:

1. PHẠM ĐĂNG D, sinh năm 1981 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã DX, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định, con bà Phạm Thị M, sinh năm 1947; có vợ là chị Phạm Thị N và 2con;

Tiền án (04): - Bản án số 31/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt D 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt là 33.614.000đồng).

- Bản án số 08/2015/HSST ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông xử phạt D 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.280.000đồng). Tổng hợp 15 tháng tù của Bản án số 31/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương buộc D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2014. Ngày 16/10/2016 D chấp hành xong án phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 466/GCN ngày 16/10/2016 của Trại giam Đắk P'Lao- Tổng cục VIII); Chưa được xóa án tích;

- Bản án số 04/2018/HSST ngày 07/02/2018 Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt D 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 05/02/2019, D chấp hành xong án phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 282/GCN ngày 05/02/2019 của Trại giam Thanh Phong- Cục C10); Chưa được xóa án tích.

- Bản án số 38/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt D 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày

19/5/2020, D đã chấp hành xong án phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 896/GCN ngày 19/5/2020 của Trại giam Ninh Khánh- Cục C10). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự (01): Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 31/12/2020 của Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đối với D về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 15/01/2021, D chấp hành xong. Chưa được xóa.

Bị bắt tạm giam ngày 20/3/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. (Có mặt).

2. NGUYỄN HỮU B, sinh năm 1992 tại huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu K sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị D sinh năm: 1969; Vợ, con: chưa;

Tiền án: Không;

Tiền sự (01): Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 31/12/2020 của Công an huyện G, tỉnh Hải Dương đối với Nguyễn Hữu B về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 15/01/2021, B chấp hành xong. Chưa được xóa.

Nhân thân: - Bản án số 16/2010/HSST ngày 25/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương xử phạt B 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 30/8/2011, B được đặc xá (theo Giấy chứng nhận đặc xá số 484/GCNDX ngày 30/8/2011 của Trại giam Hoàng Tiến- Tổng cục VIII). Đã được xóa án tích.

- Bản án số 87/2017/HSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt B 14 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 21/9/2018, B chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 691/GCN ngày 21/9/2018 của Trại giam Xuân Nguyên- Cục C10). Đã được xóa án tích.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 188/QĐ-XPHC ngày 17/4/2014 của Công an huyện G, tỉnh Hải Dương đối với B về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/4/2014, B chấp hành xong. Đã được xóa.

Bị bắt tạm giam ngày 20/3/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay (Có mặt).

3. NGUYỄN XUÂN NH sinh năm 1998 tại thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Đặng Thị TT sinh năm 1971; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án (01): Bản án số 30/2019/HSST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Xuân Nh 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 20/4/2020, Nh đã chấp hành án phạt tù, chưa được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/3/2021 đến ngày 18/3/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. (Có mặt).

*** Bị hại:**

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1966 và chồng là ông Phạm Văn Tp, sinh năm 1963. Điều trú tại: Thôn T, xã TQ, huyện N, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Bá N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

*** Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Anh Trần Đình L và chị Đặng Thị TT (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Xuân Nh là người sử dụng ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 15/3/2021, Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave anpha, màu đen-bạc, không gắn biển kiểm soát đi từ nhà ở tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương đến khu vực cầu M thuộc thị xã K, tỉnh Hải Dương để mua ma túy đá về sử dụng. Tại đây, Nh gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, Nhất hỏi và mua được 02 gói ma túy đá từ người này với số tiền là 2.500.000đồng. Khi Nh đang định đi về nhà thì có Phạm Đăng D (là bạn quen biết trong thời gian chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình) liên lạc qua điện thoại rủ Nh sang huyện Gia Lộc chơi, Nh đồng ý. Nh giấu 02 gói ma túy vừa mua được vào một chiếc hộp dùng để đựng đồ cắt móng tay hình chữ nhật, kích thước (15,5x8)cm, vỏ màu nâu-đen-vàng, có khóa bấm, rồi cất chiếc hộp này vào trong túi áo khoác bên phải mình đang mặc. Sau đó, Nh tiếp tục điều khiển xe mô tô Wave đi sang huyện Gia Lộc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nh đang đi trên quốc lộ 38B thuộc khu 1, thị trấn G, huyện G thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội-Công an huyện G phối hợp với Công an thị trấn G phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 hộp hình chữ nhật, kích thước (15,5x8)cm, vỏ màu nâu-đen-vàng, bên trong hộp có 01 gói nilon màu trắng, kích thước (7,2x4,3)cm và 01 gói nilon màu trắng, kích thước (5x4)cm, bên trong mỗi gói nilon đều có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng tại túi áo khoác bên phải Nh đang mặc trên người. Nh tự giao nộp và khai nhận đó là ma túy đá, cất giấu để sử dụng cho bản thân, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda-Wave, màu sơn: đen-bạc, xe không gắn biển kiểm soát.

Ngày 16/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nh tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Kết quả đã thu giữ được: 01 (một) B số xe mô tô số 34B3-329.84, kèm theo 01 bộ khung kim loại ốp biển kiểm soát xe mô tô. Nh khai nhận đây là B số của xe mô tô mà Nh đã giao nộp cho Công an huyện Gia Lộc vào tối ngày 15/3/2021. Chiếc xe này do Nh mua của Phạm Đăng D vào ngày 11/3/2021.

Tại Kết luận giám định số 142/KLGD-PC09 ngày 17/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận: “*Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì ký hiệu M, ghi thu của Nguyễn Xuân Nh, gửi đến giám định tổng khối lượng là: 2,228g (hai phẩy hai trăm hai mươi tám gam) là ma túy, loại Methamphetamine...,*

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 11/3/2021, Phạm Đăng D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, màu xanh, không xác định biển kiểm soát D khai mượn xe này của người bạn quen biết xã hội tên là Thg ở huyện N, tỉnh Hải Dương (không xác định được họ tên, tuổi, nơi cư trú) từ nhà ở tại thôn A, xã Đ, huyện G đến nhà ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1959 ở thôn H, xã Q, huyện G tìm gặp anh Trần Đình L, sinh năm 1972 trú tại: thôn K, xã A, huyện N là bạn của D để nói chuyện. Trong lúc đứng nói chuyện với anh L trước cổng nhà ông Ph, D nhìn thấy trong sân nhà ông Ph có hai xe máy, dựng ở phía ngoài gần cổng là chiếc xe mô tô SUZUKI Viva, dựng phía trong là xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen - bạc, biển kiểm soát 34B3-329.84 là xe của ông Ph có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện. Sau khi nói chuyện với anh L xong, D đi về. Khi D đi đến khu vực cây xăng xã Đ, huyện Gia Lộc thì gặp Nguyễn Hữu B (là bạn của D) đang đi bộ. B đi nhờ xe D về nhà. Trên đường đi, D nảy sinh ý định rủ B trộm cắp chiếc xe mô tô của ông Ph. D nói với B có chiếc xe mô tô cắm sẵn chìa khóa, dễ trộm cắp; B đồng ý trộm cắp chiếc xe này cùng với D để bán lấy tiền chi tiêu. Sau đó, D điều khiển xe mô tô chở B đến gần nhà ông Ph ở thôn H, xã Q và chỉ cho B nhà ông Ph. D đỗ xe đứng gần đó đợi và canh giới. B xuống xe, đi bộ vào cổng nhà ông Ph (cổng không khóa), quan sát thấy tại sân có hai chiếc xe máy không có ai trông coi, thấy chiếc xe SUZUKI Viva dựng phía ngoài còn chiếc xe dựng bên trong nhãn hiệu Honda - Wave Alpha, màu đen - bạc, biển kiểm soát 34B3-329.84 mới hơn, có cắm sẵn chìa khóa ở ổ điện. B đi vào phía trong chỗ xe Wave anpha màu đen bạc, quay đầu xe này rồi bật chìa khóa điện nổ máy tẩu thoát. Thấy B lấy được xe máy đi ra, D cũng điều khiển xe mô tô Wave đi.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B gọi điện thoại cho D báo bán chiếc xe máy trộm được của ông Ph để có tiền tiêu xài. D đã gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân Nh để hỏi bán chiếc xe Wave anpha trộm cắp của ông Ph. D và Nh có trao đổi với nhau về nguồn gốc chiếc xe, Nh biết rõ chiếc xe này là do D trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với số tiền 2.000.000đồng. Sau khi thỏa thuận xong, D gặp B thì thấy B đã tháo B số xe máy của ông Ph ra, để sẵn ở bụng xe. D và B mang chiếc xe mô tô này đến khu vực chân cầu LV giáp với huyện K, tỉnh Hải Dương gặp và bán cho Nh chiếc xe này với số tiền 2.000.000đồng. Sau khi bán được xe, B và D chia đôi số tiền này và chi tiêu cá nhân hết. Nh điều khiển chiếc xe mô tô mua của D về nhà cất B số đi và sử dụng chiếc xe đó đi lại hàng ngày. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, Nh điều khiển xe nói trên sang huyện G chơi, khi đang đi trên quốc lộ 38B thuộc khu 1, thị trấn G, huyện G thì bị Công an huyện Gia Lộc phát hiện, bắt quả tang Nh có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã lập biên bản thu giữ vật chứng cùng chiếc xe mô tô nói trên.

Tại Kết luận Hội đồng định giá tài sản số 05/KLĐG-HĐ ngày 18/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự- UBND huyện Gia Lộc kết luận về giá tài sản: “01 (một) xe máy nhãn hiệu: HONDA; xe cũ, đã qua sử dụng; số loại: WAVE; màu sơn: đen-bạc; dung tích: 97^{cc}; B kiểm soát: 34B3-329.84; số máy: HC12E7245959; số khung: 1257FY245865; mua mới tháng 01/2017; sản xuất

tại Việt Nam tại thời điểm tháng 3 năm 2021 có giá trị là: 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng),..

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07/3/2021, Phạm Đăng D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu xanh, không xác định B kiểm soát do D mượn của người bạn quen biết xã hội tên là Thg (không biết họ tên, tuổi, nơi cư trú) chở theo Nguyễn Hữu B đi từ huyện Gia Lộc sang huyện Ninh Giang chơi đi theo tuyến đường 392B. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, cả hai đi đến đoạn đường bờ đê liên xã, khu vực cánh đồng thuộc thôn ThS, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thì D và B phát hiện ở phía bên phải theo hướng đi có dựng một chiếc xe máy điện màu đỏ-đen, biển số 34MĐ4-008.32, nhãn hiệu MOMENIUM của bà Đoàn Thị T, sinh năm 1966, trú tại: thôn ThS, xã T, huyện N dựng ở ven đường đê, không có người trông coi. B bảo D lấy trộm chiếc xe máy điện này, D đồng ý. D điều khiển xe mô tô đỗ cạnh chiếc xe máy điện, B xuống xe rồi ngồi lên xe máy điện. Do không có chìa khóa nên B không điều khiển xe máy điện đi được. B quay đầu xe rồi một tay bám vào vai D, một tay điều khiển xe máy điện. D điều khiển xe mô tô kéo B cùng xe máy điện đi về hướng huyện Gia Lộc. Khi đi đến khu vực cầu Di Linh thuộc huyện Ninh Giang, B lấy chìa khóa cắm thử vào ổ khóa của xe máy điện thì thấy mở được. Sau đó B đi xe máy điện về nhà D ở thôn A, xã Đ, huyện Gia Lộc. Tại nhà D, D nói với B chiếc xe máy điện vừa trộm cắp có giá khoảng 800.000đồng, D đưa cho B 400.000đồng, B cầm 400.000đồng rồi đi về. D mở kiểm tra trong cốp xe máy điện thấy có một giấy đăng ký xe mang tên Đoàn Thị T. Thấy xe có giấy tờ nên D đã mang chiếc xe máy điện này đến cửa hàng cầm đồ của ông Phạm Bá N, sinh năm 1964 ở thôn T, xã Đ, huyện G để cầm cố. Ông N có hỏi nguồn gốc xe thì D nói là xe của con gái mình mới mua, muốn cầm đồ. Ông N tin tưởng nên đã cho D cầm cố chiếc xe máy điện với số tiền 1.500.000đồng. Số tiền trên D đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG-HĐ ngày 16/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự- UBND huyện Gia Lộc kết luận về giá tài sản: “01 (một) xe máy điện đã qua sử dụng; nhãn hiệu MOMENIUM; số loại: 133s; màu sơn: đỏ-đen; B kiểm soát: 34MĐ4-008.32; số máy: 0W0914006317; số khung: DGPJFA006107; mua mới năm 2015; sản xuất tại Việt Nam tại thời điểm tháng 3 năm 2021 có giá trị là 2.800.000đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng),..

Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 20/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Xuân Nh về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS; truy tố Phạm Đăng D về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; truy tố Nguyễn Hữu B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, xác định nội dung bản kết luận điều tra của cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc, nội dung Cáo trạng truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là đúng.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: * Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Nh phạm tội “Tàng trữ

trái phép chất ma túy” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tuyên bố bị cáo Phạm Đăng D và Nguyễn Hữu B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 323, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Nh 27 tháng đến 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nh phải chấp hành hình phạt chung là từ 35 tháng đến 40 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 15/3/2021).

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Đăng D từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/3/2021.

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung;

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 2,063gam ma túy, loại Methamphetamine; 01 hộp hình chữ nhật vỏ màu nâu đen vàng và 02 vỏ túi nilon màu trắng là mẫu vật hoàn lại sau giám định và truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đồng của các bị cáo B và D, mỗi bị cáo nộp 1.000.000đồng vì đây là số tiền do phạm tội mà có.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo D hoàn trả cho ông Phạm Bá N số tiền 1.500.000đồng;

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo D, Nh và B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.. không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Do đó, xác định hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Việc họ vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, HĐXX căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, bản Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản và một số tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nh, D và B như sau:

- Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, tại Quốc lộ 38 thuộc địa phận khu 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Xuân Nh đang hành vi cất giấu trái phép 2,228gam ma túy, loại Methamphetamine trong 01 hộp hình chữ nhật, kích thước (15,5x8)cm để trong túi áo khoác bên phải Nh đang mặc trên người, mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng và 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda-Wave anpha, màu sơn: đen-bạc, xe không gắn biển kiểm soát- do Nh mua của Phạm Đăng D vào ngày 11/3/2021. Ngày 16/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nh tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương, đã thu giữ được: 01 B số xe mô tô số 34B3-329.84, kèm theo 01 bộ khung kim loại ốp biển kiểm soát xe mô tô. Nh khai nhận đây là B số của xe mô tô mà Nh đã giao nộp cho Công an huyện Gia Lộc vào tối ngày 15/3/2021.

- Vào khoảng 17 giờ ngày 11/3/2021, tại nhà của gia đình ông Phạm Văn Ph sinh năm 1959 ở thôn H, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, Phạm Đăng D cùng Nguyễn Hữu B có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 34B3-329.84 trị giá 12.000.000đồng của ông Phạm Văn Ph. Đến khoảng 19giờ cùng ngày, D và B mang chiếc xe máy trên đến khu vực chân cầu L giáp với huyện K, tỉnh Hải Dương bán cho Nguyễn Xuân Nh, Nh biết rõ chiếc xe này là tài sản do D trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với số tiền 2.000.000đồng. Sau khi bán được xe, D và B chia đôi tiền và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Khoảng 15 giờ ngày 07/3/2021, tại đoạn đường đê thuộc thôn ThS, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, Nguyễn Hữu B và Phạm Đăng D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện màu đỏ-đen, biển kiểm soát 34MĐ4-008.32 trị giá 2.800.000đồng của bà Đoàn Thị T sinh năm 1966 trú tại: thôn ThS, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau đó, D tự ước tính chiếc xe là 800.000đồng nên đưa cho B 400.000đồng. Sau khi biết xe có giấy tờ, D mang xe này đến cầm đồ cho ông Phạm Bá N được số tiền 1.500.000đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo D và B chiếm đoạt trong 02 vụ trộm cắp nêu trên là 14.800.000đồng.

HĐXX thấy:

+ Đối với bị cáo Nh: Bị cáo Nh là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện để có ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, tổng khối lượng chất ma túy bị cáo cất giấu là 2,228gam ma túy, loại Methamphetamine. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Ngoài ra bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 11/3/2021, mặc dù không có hứa hẹn, bàn bạc trước, khi B gọi điện thoại muốn bán cho bị cáo chiếc xe máy, qua trao đổi bị cáo biết rõ chiếc xe này (nhãn hiệu Honda-Wave anpha, màu sơn: đen-bạc, B kiểm soát đã bị tháo ra) là tài sản do B và D trộm cắp mà có nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố tình mua với số tiền 2.000.000đồng để sử dụng làm phương tiện đi lại cho bản thân. Do đó, hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

+ Đối với bị cáo D và B: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu không phải lao động chân chính, các bị cáo đã cùng nhau cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô của ông Ph trị giá 12.000.000đồng và chiếc xe máy điện của bà T trị giá 2.800.000đồng. Hành vi trộm cắp của bị cáo B đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Riêng bị cáo D- do bị cáo có 2 tiền án về tội chiếm đoạt, 2 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy trong đó có bản án đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*”, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo khoản 2 Điều 53 BLHS nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Như vậy, HĐXX khẳng định các bị cáo Nh, D và B bị VKSND huyện Gia Lộc truy tố về tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, trật tự an toàn công cộng (bị cáo Nh) và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ (D, B), gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, qua đó mới đủ tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe các bị cáo, giúp các bị cáo nhận ra sai lầm để sửa chữa để trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội.

[5] Trong vụ án này: Ở vụ thứ nhất và thứ hai một mình bị cáo Nh thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có nên Nhất phải chịu trách nhiệm độc lập về 02 hành vi phạm tội của mình. Ở vụ thứ hai và thứ ba, D và B cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, giữa hai bị cáo không có sự câu kết, phân công, tổ chức chặt chẽ mà chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn, cả hai đều là người thực hành tích cực, trong đó khi trộm cắp xe máy của ông Ph thì D là người đề xuất, chở B đến địa điểm trộm, liên hệ với Nhất để bán xe, còn B trực tiếp lấy xe và điều khiển xe để tẩu thoát, tháo B số xe nhằm tránh bị phát hiện; đối với lần trộm cắp chiếc xe máy điện của bà T thì B là người đề xuất trộm cắp, D trực tiếp lấy xe, điều khiển xe rời khỏi hiện trường, số tiền có được từ phạm tội hai bị cáo chia đều nên hai bị cáo D và B có vai trò, vị trí ngang nhau.

[5] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo Nh đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy,, (theo bản án số 30/2019 ngày 30/5/2019 của TAND huyện Nam Sách) chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo Nh phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Các bị cáo D và B thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trong mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Khi cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc điều tra, xác minh việc bị cáo Nh tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Nh đã tự khai nhận về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo D và B tự khai ra hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện của bà T, D chỉ dẫn cơ quan điều tra đến hiện trường vụ án, từ đó giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ sự việc, kịp thời trả lại tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt cho người bị hại. Do đó, các bị cáo Nh, D, B đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo D và B được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó các bị cáo D và B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, HĐXX thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là thanh niên, có sức khỏe nhưng lười lao động, không có ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, coi thường trật tự, kỷ cương của nhà nước nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thích hợp để Nhà nước giáo dục các bị cáo, để các bị cáo suy ngẫm

về những hành động, lối sống của mình, qua đó đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

-Mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm 2,063gam ma túy loại Methamphetamine; 01 hộp hình chữ nhật, vỏ màu nâu- đen- vàng và 02 vỏ túi nilon màu trắng- được niêm phong trong 01 phong bì dán kín số 142/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương, mặt sau của phong bì có 03 dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương và chữ ký niêm phong mẫu: Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp quy định.

- Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc đã trả lại tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt cho người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật; bị hại không yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản phải bồi thường- đây là sự tự nguyện. Do đó, HĐXX không xem xét.

- Đối với số tiền 2.000.000đồng hai bị cáo D và B có được từ việc bán cho bị cáo Nh chiếc xe máy trộm cắp của ông Ph: Do đây là số tiền có được do phạm tội, mỗi bị cáo được hưởng 1.000.000đồng nên cần phải truy thu của mỗi bị cáo D và B 1.000.000đồng sung vào Ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Bá N yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả cho ông số tiền 1.500.000đồng là tiền ông nhận cầm cố chiếc xe máy từ D. Tại phiên tòa, bị cáo D nhất trí và hứa sau khi chấp hành án xong, bị cáo đi làm và sẽ trả cho ông N số tiền này, tự nguyện cho bị cáo B số tiền 400.000đồng. Bị cáo B nhất trí.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc ma túy bị cáo Nh khai mua của một người đàn ông lạ không quen biết ở khu vực cầu Mây thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương: Quá trình điều tra không xác định được người bán là ai nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với hành vi ông Phạm Bá N khi cầm cố chiếc xe máy từ bị cáo D với số tiền 1.500.000đồng, ông N không biết đó là tài sản do D trộm cắp. Ngày 19/3/2021 ông đã tự nguyện giao nộp tài sản trên cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Hành vi của ông N chưa đủ căn cứ để điều tra, truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 của BLHS. Do đó, HĐXX không xem xét, xử lý.

- Đối với số tiền 400.000đồng bị cáo D đưa cho B, bị cáo D không yêu cầu B phải trả lại, HĐXX không giải quyết.

- Đối với các điện thoại của D, B và Nhất sử dụng liên lạc với nhau để thống nhất mua, bán chiếc xe mô tô mà D, B đã trộm cắp của ông Ph: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không quản lý được các điện thoại này nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu xanh không xác định B kiểm soát D khai đã mượn của người bạn xã hội tên Thương (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) vào ngày 06.3.2021, sau đó D đã trả lại xe cho người này. Cơ quan điều tra không xác minh được thông tin nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 323, điểm h khoản 1 Điều 52, các điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Xuân Nh.

- Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự áp dụng đối với bị cáo Phạm Đăng D;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, các điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hữu B.

- Căn cứ: Điều 579 của Bộ luật Dân sự; các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, các điều 135, 136, 292, 293, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Nh phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Đăng D và Nguyễn Hữu B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Nh 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (tám) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên, buộc bị cáo Nguyễn Xuân Nh phải chấp hành 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 15/3/2021).

Xử phạt bị cáo Phạm Đăng D 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 20/3/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 20/3/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Đăng D phải trả cho ông Phạm Bá N, sinh năm 1964, địa chỉ: thôn Tháng, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Phạm Bá N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Đăng D chậm thi hành số tiền trên thì phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định gồm 2,063gam ma túy loại Methamphetamine, 01 hộp hình chữ nhật vỏ màu nâu-đen-vàng và 02 vỏ túi nilon màu trắng, được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín niêm phong số 142/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương gửi Cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc. Mặt sau của phong bì có 03 hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương và chữ ký của giám định viên tham gia niêm phong (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 16/6/2021).

- Truy thu của mỗi bị cáo Phạm Đăng D và Nguyễn Hữu B số tiền 1.000.000đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân Nh, Phạm Đăng D và Nguyễn Hữu B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2021). Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Gia Lộc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Trịnh Thị Ngọc Mai